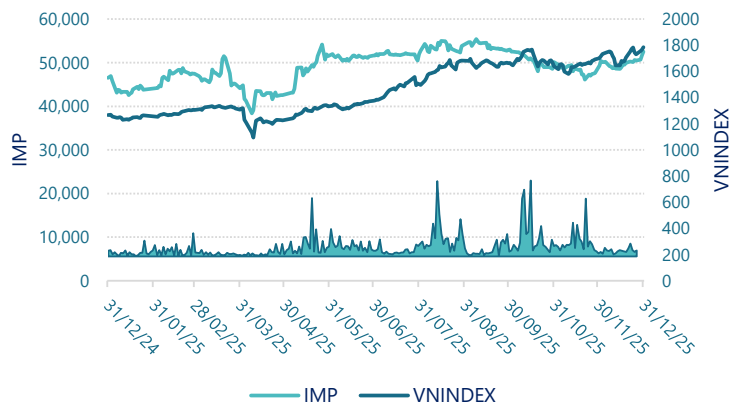




CTCP Dược phẩm Imexpharm (HSX: IMP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	52,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	55,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	38,379
SL cổ phiếu LH	154,008,962
KLGD BQ 20 phiên (CP)	60,545
% sở hữu nước ngoài	51.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,085
P/E	23.2
EPS	2,267

DT thuần

Q4/25

641

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 67.0 | 11.6%

YoY: ▼ 11.0 | -1.7%

LN sau thuế

Q4/25

107

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.1 | 39.8%

YoY: ▼ 14.0 | -11.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

19.0%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2025

2,441

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 236 | 10.7%

LN sau thuế

2025

349

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.0 | 8.8%

ROE

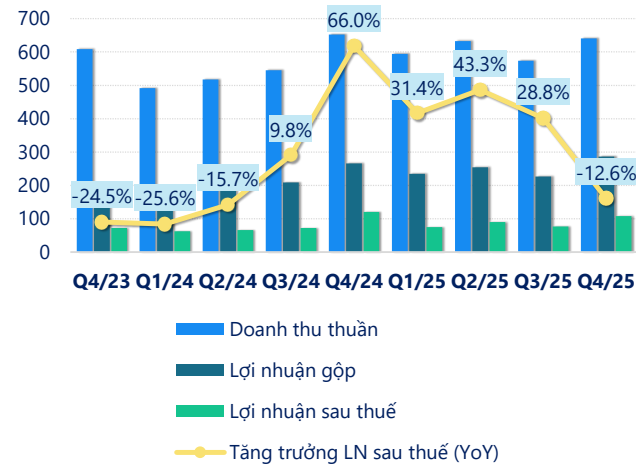
2025

15.6%

+/- YoY: ▲ 0.5%

tỷ VNĐ

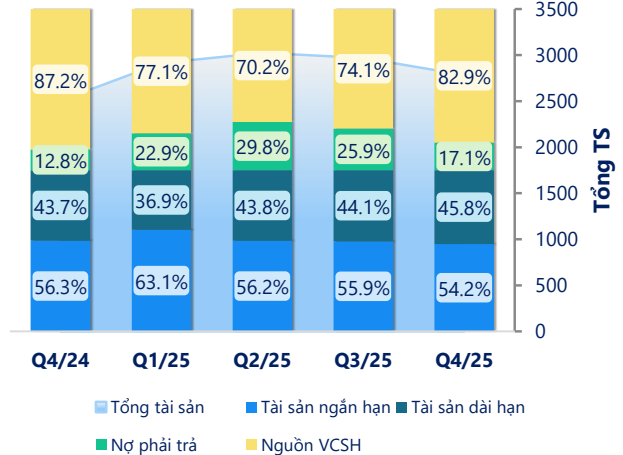
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

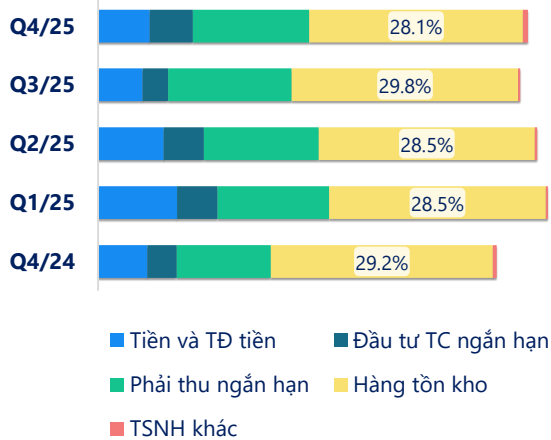
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



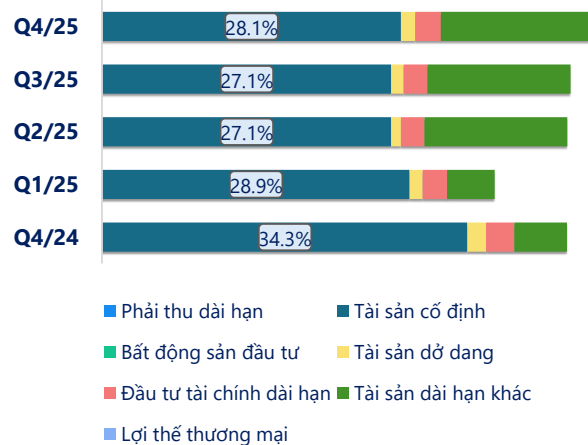
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

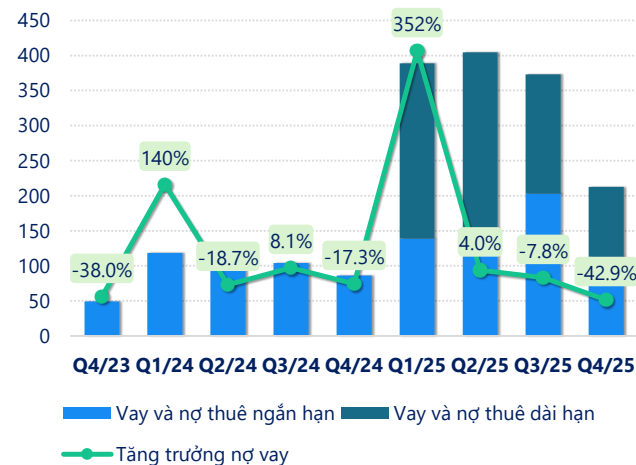
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

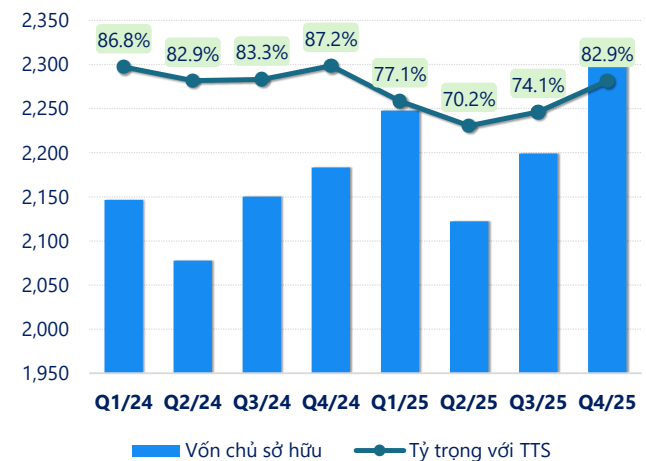
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

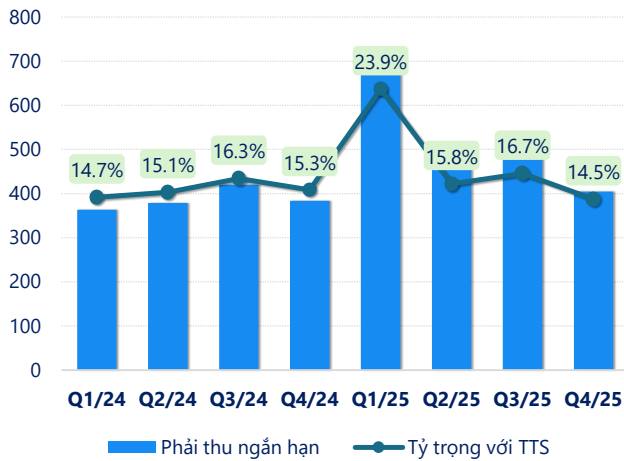
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



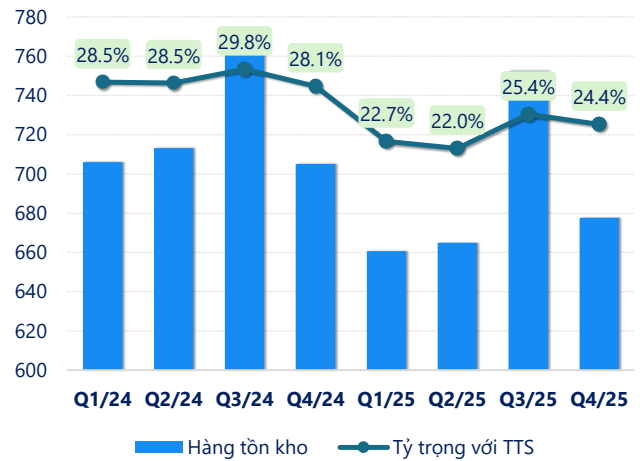
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


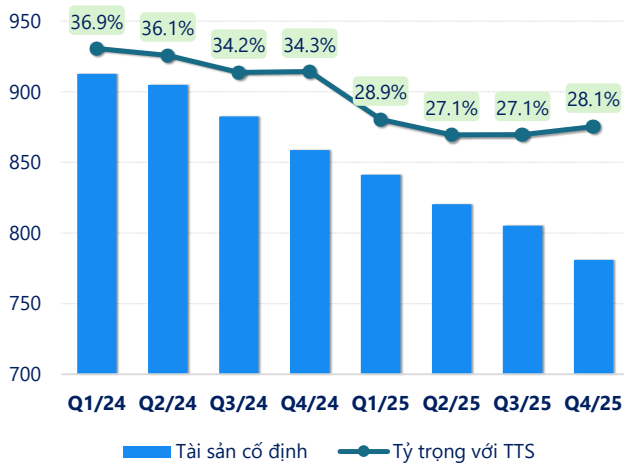
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


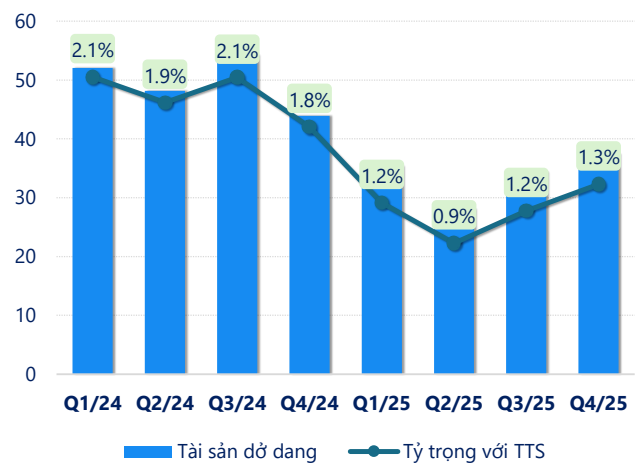
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

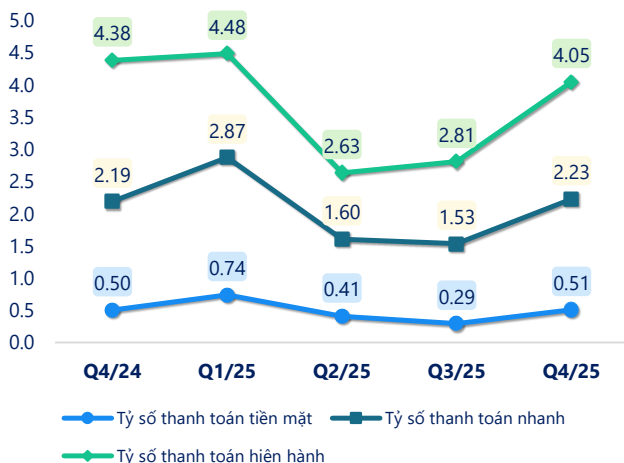
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

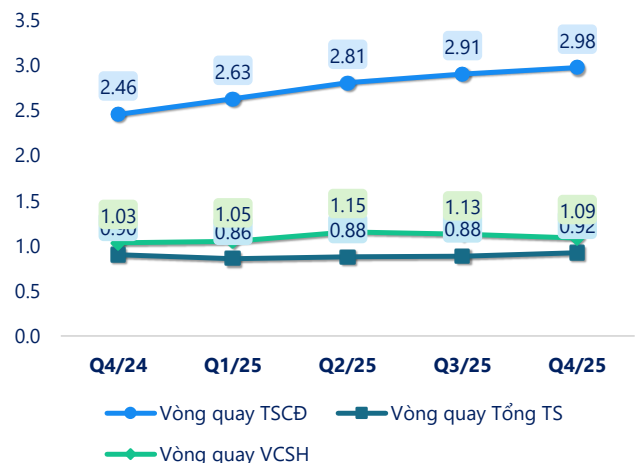
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,505	2,914	3,025	2,967	2,783
Tài sản ngắn hạn	1,410	1,838	1,701	1,660	1,507
Tiền và tương đương tiền	162	303	262	174	189
Đầu tư tài chính ngắn hạn	142	152	282	222	212
Phải thu ngắn hạn	384	696	479	496	404
Hàng tồn kho	705	661	665	752	678
Tài sản ngắn hạn khác	16.7	25.7	13.2	16.4	24.2
Tài sản dài hạn	1,095	1,077	1,324	1,307	1,275
Phải thu dài hạn	1.84	1.84	1.84	1.79	0.96
Tài sản cố định	859	841	820	805	781
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	43.9	35.4	28.1	34.3	37.4
Đầu tư tài chính dài hạn	67.0	67.0	67.0	67.0	67.0
Tài sản dài hạn khác	124	131	407	399	389
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	322	667	903	768	476
Nợ ngắn hạn	322	410	646	591	372
Vay và nợ thuê ngắn hạn	86.1	139	155	203	113
Phải trả người bán ngắn hạn	77.0	82.0	170	154	80.8
Nợ dài hạn	0	257	257	177	104
Vay và nợ thuê dài hạn	0	250	250	170	100
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,183	2,248	2,122	2,199	2,307
Vốn chủ sở hữu	2,183	2,248	2,122	2,199	2,307
Vốn điều lệ	1,540	1,540	1,540	1,540	1,540
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)